

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THẢO MỘC SINH HỌC MANTRA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THẢO MỘC SINH HỌC MANTRA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MANTRA BIOLOGICAL HERBAL PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MANTRA HERBAL

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109920710

**3. Ngày thành lập:** 02/03/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 69 phố Hà Kế Tấn, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0944436115 / 0364226689 Fax:

Email: [thaomocsinhhocmantra@gmail.com](mailto:thaomocsinhhocmantra@gmail.com) Website: [mantravietnam.com](http://mantravietnam.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Bán buôn thủy sản<br>Bán buôn rau, quả<br>Bán buôn cà phê<br>Bán buôn chè<br>Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>Bán buôn thực phẩm khác | 4632     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc;<br>Kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc;<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                          | 4649     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Mua bán trang thiết bị y tế                                                                                          | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;<br>- Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa;<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;                                                                      | 4669        |
| 5.  | Trồng cây hàng năm khác<br>Chi tiết:<br>Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 0119        |
| 6.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0128        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8299        |
| 8.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4722        |
| 9.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn;<br>- Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã);<br>- Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo;<br>- Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến;<br>- Sản xuất thực phẩm chức năng                                 | 1079(Chính) |
| 10. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2023        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;<br>- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;<br>- Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm;<br>- Sản xuất hương các loại...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2029 |
| 12. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2220 |
| 13. | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2310 |
| 14. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>(Trừ răng giả và kính thuốc)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3250 |
| 15. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4772 |
| 16. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                              | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN CÔNG<br>NGHỆ DƯỢC<br>PHẨM VIỆT<br>NAM | Số 8 ngách 27,<br>Ngõ 102, đường<br>Khuất Duy Tiến,<br>Phường Nhân<br>Chính, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 400.000       | 4.000.000.000            | 40,000       | 0108074222                                                                                                             |            |
|     |                                                          |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                          |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                          |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                          |                                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                          |                                                                                                                                   | Tổng số                            | 400.000       | 4.000.000.000            | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                          |                                                                                                                                   |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | VÕ THỊ NHÃ<br>TRÂN                                       | Số 24 Đường Lê<br>Thánh Tôn,<br>Phường Ia Kring,<br>Thành phố<br>Pleiku, Tỉnh Gia<br>Lai, Việt Nam                                | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000       | 2.000.000.000            | 20,000       | 230538888                                                                                                              |            |
|     |                                                          |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                          |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                          |                                                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                          |                                                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                          |                                                                                                                                   | Tổng số                            | 200.000       | 2.000.000.000            | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                          |                                                                                                                                   |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                      |                                                                                                              |                           |         |               |        |                  |  |
|---|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|------------------|--|
| 3 | NGUYỄN QUỐC NHẬT     | Số 26, ngách 1, ngõ 143, đường Xuân Phương, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 100.000 | 1.000.000.000 | 10,000 | 0380750093<br>11 |  |
|   |                      |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                                              | Tổng số                   | 100.000 | 1.000.000.000 | 10,000 |                  |  |
| 4 | PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG | Số 31 Ngõ 206 Đường Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 300.000 | 3.000.000.000 | 30,000 | 011911411        |  |
|   |                      |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                                              | Tổng số                   | 300.000 | 3.000.000.000 | 30,000 |                  |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 11/12/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 011911411

Ngày cấp: 03/11/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Địa chỉ thường trú: *Số 31 Ngõ 206 Đường Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 31 Ngõ 206 Đường Trương Định, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội